|  |
| --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** **ĐỀ ÁN**  **ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM THỦY SẢN GIAI ĐOẠN 2021-2030***Hà Nội, 2021* |

**MỤC LỤC**

[PHẦN THỨ NHẤT: MỞ ĐẦU 4](#_Toc96552812)

[I. ĐẶT VẤN ĐỀ 4](#_Toc96552813)

[1. Sự cần thiết xây dựng và triển khai Đề án 4](#_Toc96552814)

[2. Căn cứ xây dựng Đề án 5](#_Toc96552815)

[II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN 6](#_Toc96552816)

[1. Phạm vi 6](#_Toc96552817)

[2. Đối tượng 7](#_Toc96552818)

[PHẦN THỨ HAI: THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG, ATTP NÔNG LÂM THỦY SẢN 8](#_Toc96552819)

[I. CÁC KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC 8](#_Toc96552820)

[1. Điều kiện đảm bảo ATTP, nâng cao chất lượng trong sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ thực phẩm nông lâm thủy sản từng bước được cải thiện 8](#_Toc96552821)

[2. Năng lực thực thi pháp luật quản lý chất lượng, ATTP được tăng cường 12](#_Toc96552822)

[II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN 18](#_Toc96552823)

[1. Tồn tại, hạn chế 19](#_Toc96552824)

[2. Nguyên nhân 22](#_Toc96552825)

[III. NHỮNG KHÓ KHĂN THÁCH THỨC TRONG GIAI ĐOẠN TỚI 23](#_Toc96552826)

[1. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu: 23](#_Toc96552827)

[2. Toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ 24](#_Toc96552828)

[3. Xu hướng bảo hộ, xung đột thương mại 24](#_Toc96552829)

[4. Yêu cầu của người tiêu dùng ngày càng cao 24](#_Toc96552830)

[PHẦN THỨ BA: NỘI DUNG ĐỀ ÁN 25](#_Toc96552831)

[I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU 25](#_Toc96552832)

[1. Quan điểm: 25](#_Toc96552833)

[2. Mục tiêu 25](#_Toc96552834)

[II. NHIỆM VỤ 26](#_Toc96552835)

[1. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, quy mô lớn; nâng cấp hệ thống chợ đầu mối/trung tâm cung ứng, chợ bán lẻ nông lâm thủy sản, hoàn thiện chuỗi giá trị nông lâm thủy sản 26](#_Toc96552836)

[3. Nghiên cứu, chuyển giao, tập huấn, ứng dụng khoa học công nghệ đảm bảo năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc 27](#_Toc96552837)

[4. Phát triển thị trường nông lâm thủy sản chất lượng, an toàn 27](#_Toc96552838)

[5. Tăng cường năng lực thực thi chính sách pháp luật, huy động các nguồn lực xã hội trong nước và quốc tế nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản 28](#_Toc96552839)

[III. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP 28](#_Toc96552840)

[1. Hoàn thiện cơ chế chính sách; lồng ghép nhiệm vụ đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng đủ điều kiện sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản chất lượng, an toàn vào các kế hoạch, đề án, chương trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới 2021-2025 28](#_Toc96552841)

[2. Phối hợp, huy động các nguồn lực nhà nước và xã hội trong đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản 29](#_Toc96552842)

[3. Đổi mới công tác đào tạo, tập huấn, chuyển giao khoa học công nghệ, khoa học quản lý đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản 30](#_Toc96552843)

[4. Tăng cường thông tin, truyền thông kịp thời, chính xác về chất lượng, an toàn thực phẩm, tạo niềm tin cho người tiêu dùng và nâng cao uy tín nông sản Việt; 30](#_Toc96552844)

[5. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc 30](#_Toc96552845)

[6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuẩn hóa các qui trình chuyên môn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn, qui chuẩn và thông lệ quốc tế 31](#_Toc96552846)

[7. Tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút nguồn lực và kinh nghiệm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản 31](#_Toc96552847)

[IV. CÁC DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH ƯU TIÊN THỰC HIỆN 31](#_Toc96552848)

[V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 34](#_Toc96552849)

[1. Các Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT 34](#_Toc96552850)

[2. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 37](#_Toc96552851)

[3. Các tổ chức chính trị xã hội 37](#_Toc96552852)

[4. Các Hiệp hội ngành hàng 37](#_Toc96552853)

[5. Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản 37](#_Toc96552854)

[6. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp 37](#_Toc96552855)

PHẦN THỨ NHẤT: MỞ ĐẦU

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Sự cần thiết xây dựng và triển khai Đề án**

Việc phát triển, đảm bảo nguồn cung thực phẩm nông lâm thủy sản chất lượng, an toàn cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu luôn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự ổn định, phát triển kinh tế-xã hội của đất nước; luôn được Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp đặc biệt quan tâm trong thời gian qua. Để chỉ đạo hệ thống chính trị triển khai Luật An toàn thực phẩm, chăm lo sức khỏe Nhân dân và thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 21/10/2011 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới với mục tiêu *“tất cả thực phẩm được sản xuất, kinh doanh, lưu thông và tiêu dùng trên lãnh thổ Việt nam đều là thực phẩm an toàn”*. Mới đây nhất, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 được thông qua tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã vạch ra nhiều định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu trên trong đó giải pháp*“Nâng cao trình độ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ, phát triển mạnh nông nghiệp công nghệ cao nhằm* ***tạo đột phá về năng suất, chất lượng****”* và *“Phát triển mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái,* ***đạt tiêu chuẩn phổ biến về an toàn thực phẩm****”*.

 Để triển khai các chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành nhiều chính sách pháp luật quan trọng về đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản, đặc biệt là Quyết định 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu *“Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững,* ***nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản****”*.

Việc thực hiện các chủ trương, chính sách nêu trên của Đảng và Nhà nước trong thời gian qua đã đạt được những kết quả hết sức quan trọng: *(1)* Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được đẩy mạnh; *(2)*Hệ thống văn bản pháp luật, tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật về chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đã được xây dựng cơ bản đầy đủ theo hướng hội nhập quốc tế và phù hợp với chủ trương cơ cấu lại, chuyển đổi mô hình tăng trưởng nông nghiệp từ bề rộng sang chiều sâu, thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; *(3)* Nguồn lực được kiện toàn và tăng cường, bước đầu thực thi chính sách pháp luật có hiệu lực, hiệu quả; *(4)* Chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đã từng bước được cải thiện rõ nét.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đã đạt được, nền nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản nước ta còn nhiều tồn tại, hạn chế như: *(1)* Tỷ lệ cơ sở sản xuất được chứng nhận theo các tiêu chuẩn quốc tế chất lượng, an toàn còn thấp; tỷ trọng sản phẩm được kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm tại từng công đoạn và trong toàn chuỗi cung ứng theo chuẩn quốc tế chưa cao; *(2)* Sản phẩm nông lâm thủy sản chất lượng chưa đồng đều, thiếu ổn định, thất thoát sau thu hoạch còn lớn; tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết chưa đạt yêu cầu; vi phạm về an toàn thực phẩm, lô hàng bị trả về tuy giảm nhưng còn ở mức cao; *(3)* Hệ thống văn bản pháp luật, tiêu chuẩn quy chuẩn chưa cập nhật kịp thời theo chuẩn mực quốc tế; Tổ chức bộ máy các cấp chưa đầy đủ, thiếu ổn định; Cơ sở vật chất, trang thiết bị, biên chế, cơ chế tài chính chưa đáp ứng nhu cầu.

Nguyên nhân chính của những tồn tại, hạn chế trên là do nhận thức, sự lãnh đạo, chỉ đạo thiếu đồng bộ, chưa quyết liệt, tinh thần trách nhiệm, năng lực tổ chức thực thi pháp luật của một số cơ quan, cán bộ, công chức còn hạn chế; nhận thức của người sản xuất, kinh doanh và người dân về chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản chưa đầy đủ.

Để phát huy các thành tựu, kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế và vượt qua khó khăn, thách thức; tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả đưa công tác quản lý chất lượng, đảm bảo ATTP tiếp tục đổi mới, chuẩn hóa phù hợp với tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp, thực hiện tái cơ cấu ngành, xây dựng nông thôn mới, Ban cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Nghị quyết 14-NQ/BCSĐ ngày 14/12/2021 vềtăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản giai đoạn 2021-2030, trong đó, giao Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản xây dựng Đề án “Đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản giai đoạn 2021-2030”.

**2. Căn cứ xây dựng Đề án**

**2.1. Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước**

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

- Chỉ thị số 08-CT/TW, ngày 21/10/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới;

- Kết Luận số 11-KL/TW ngày 19/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa XI) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới”;

 - Nghị Quyết 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

- Quyết định số [20/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/the-thao-y-te/quyet-dinh-20-qd-ttg-phe-duyet-chien-luoc-quoc-gia-an-toan-thuc-pham-133743.aspx), ngày 04/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030

 - Quyết định 255/QĐ-TTg ngày 25/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025;

* Quyết định 174/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030
* Chỉ thị số 17-CT/TTg ngày 13/4/2020 ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 14/NQ-BCSĐ ngày 14/12/2021 của Ban cán sự Đảng bộ Nông nghiệp và PTNT về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản giai đoạn 2021-2030

**2.2. Văn bản pháp luật quản lý chất lượng, ATTP**

- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 do Quốc hội khóa 12 thông qua ngày 21/11/2007;

- Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn số 68/2006/QH11 do Quốc hội khóa 11 thông qua ngày 29/6/2006;

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 do Quốc hội khóa 12 thông qua ngày 17/6/2010;

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Các thông tư, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quản lý chất lượng, ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp

**II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN**

**1. Phạm vi**

Từ sản xuất ban đầu (trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác) đến sơ chế, chế biến, kinh doanh tại chợ đầu mối, đấu giá; cơ sở chuyên doanh, xuất nhập khẩu thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**2. Đối tượng**

- Tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất ban đầu, sơ chế, chế biến, kinh doanh tại chợ đầu mối, đấu giá; cơ sở chuyên doanh, xuất nhập khẩu thực phẩm nông lâm thủy sản;

- Cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội có liên quan;

- Các tổ chức đánh giá sự phù hợp.

**PHẦN THỨ HAI: THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG, ATTP
NÔNG LÂM THỦY SẢN**

I. CÁC KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

**1. Điều kiện đảm bảo ATTP, nâng cao chất lượng trong sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ thực phẩm nông lâm thủy sản từng bước được cải thiện**

***a. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ cấu lại sản xuất, liên kết sản xuất với tiêu thụ, phát triển hệ thống phân phối hiện đại đã tạo nền tảng cơ sở đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản***

Thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới đã thay đổi từng bước cơ sở hạ tầng phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Đầu tư nâng cấp hệ thống thủy lợi, cung ứng điện, đường giao thông nông thôn, kho bãi …. bằng các nguồn tài chính công tư kết hợp theo các chính sách của Nhà nước đã tạo điều kiện tiên quyết về đất sạch, nước sạch cũng như các khâu sản xuất, thu hoạch, vận chuyển được vận hành thuận lợi, nhanh chóng, đảm bảo ATTP, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản.

Bên cạnh đầu tư vào hạ tầng sản xuất nông nghiệp, thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư và nông nghiệp, nông thôn, nhiều nhà doanh nghiệp, tổ chức đã đầu tư công nghệ hiện đại vào khâu bảo quản, chế biến nhằm không những đảm bảo ATTP mà còn nâng cao chất lượng, gia tăng gia trị sản phẩm và tận dụng tối đa nguyên liệu, giảm thất thoát sau thu hoạch.

Cơ cấu lại sản xuất đã được triển khai mạnh mẽ theo 3 cấp độ sản phẩm chủ lực quốc gia, sản phẩm chủ lực vùng và sản phẩm OCOP thông qua phát triển liên kết trong từng công đoạn (liên kết ngang) và liên kết các công đoạn từ sản xuất đến tiêu thụ (liên kết dọc) hình thành chuỗi cung ứng bền vững để từng bước khắc phục tình trạng “manh mún, nhỏ lẻ, tự phát” trong sản xuất nông lâm thủy sản.

Việc hình thành liên kết ngang như các hợp tác xã, tổ, đội sản xuất… đã tạo điều kiện gia tăng qui mô sản xuất, mua chung vật tư đầu vào, bán chung sản phẩm đầu ra là yếu tố rất quan trọng để các hộ nhỏ lẻ vừa đảm bảo hiệu quả sản xuất vừa tuân thủ qui định sử dụng có trách nhiêm vật tư nông nghiệp và qui trình canh tác đảm bảo chất lượng, ATTP: Theo báo cáo của Cục kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn đến năm 2020, cả nước ước thành lập mới được 14 Liên hiệp HTX nông nghiệp, 1.555 HTX nông nghiệp, nâng tổng số lên 68 Liên hiệp HTX nông nghiệp, 17.300 HTX nông nghiệp; số HTX hoạt động đánh giá đạt hiệu quả đạt trên 85%, gần đạt mục tiêu có trên 15.000 HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả; trong đó, có 1.718 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 3.913 HTX nông nghiệp thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm cho xã viên (tìm kiếm đầu ra, lập kế hoạch sản xuất gắn với thị trường, đổi mới các hình thức chế biến, bao gói, bảo quản).

Ngoài phát triển liên kết ngang, thực hiện đề án “Xây dựng và phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn giai đoạn 2013-2020”, 63/63 tỉnh, thành phố trong cả nước đã xây dựng và phát triển 1644 chuỗi, 2991 điểm bán với 2346 số sản phẩm được kiểm soát ATTP theo chuỗi. Việc tham gia chương trình chuỗi cũng giúp từng chủ thể thay đổi về nhận thức về ATTP, quản lý, kiểm soát ATTP và các liên kết trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm an toàn đối với người sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng; tổ chức lại sản xuất, cải thiện hiệu lực, hiệu quả quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm, nâng cao giá trị, uy tín sản phẩm, cải thiện niềm tin của người tiêu dùng.

Hệ thống phân phối hiện đại đang dần hình thành và phát triển nhanh như là đầu kéo phát triển liên kết chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản đảm bảo chất lượng, ATTP. Số liệu báo cáo ngành hàng bán lẻ Việt nam cho thấy ngoài 8.500 chợ truyền thống là 5849 cửa hàng tiện lợi (năm 2021)[[1]](#footnote-2) đang tăng trưởng rất mạnh (tăng 73%) so với năm 2019 (3007 cửa hàng).

Về thương mại điện tử, theo thống kê của VNetwork, Việt Nam có khoảng 64 triệu người dùng internet (chiếm 66% dân số), trung bình một người trong một ngày dành khoảng 06h42 phút[[2]](#footnote-3) để sử dụng internet cho thấy thương mại điện tử tại Việt Nam sẽ có nhiều tiềm năng, dư địa để phát triển. Đặc biệt trong năm 2020, 2021 khi dịch Covid19 xảy ra, việc thực hiện giãn cách xã hội cũng như hạn chế đi lại khiến người tiêu dùng có xu hướng chuyển mạnh từ mua hàng truyền thống sang thương mại điện tử. Theo khảo sát được thực hiện bởi VietData, 50% người tiêu dùng được hỏi đã giảm tần suất tới siêu thị, tạp hóa và chợ trong đó có 25% người được hỏi đã tăng mua sắm trực tuyến.

Trong vài năm trở lại đây, thực phẩm chế biến, làm săn, ăn liền ở các kênh bán lẻ hiện đại được nhiều người tin dùng, nhờ chất lượng bảo đảm, giá thành hợp lý. Theo ước tính hiện nay, tỷ lệ các sản phẩm chế biến, làm sẵn, ăn liền tại các siêu thị, cửa hàng chuyên doanh, tạp hóa đã chiếm khoảng 20-25% tổng lượng sản phẩm nông lâm thủy sản.

***b. Ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, tiêu chuẩn, qui chuẩn quốc tế tại từng công đoạn và trong toàn chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm***

Khoa học cộng nghệ có vai trò then chốt không chỉ giúp tăng năng xuất mà còn quyết định đến chất lượng, an toàn sản phẩm từ giống, vật tư đầu vào, qui trình canh tác đến chế biến, lưu thông, phân phối tiêu thụ sản phẩm đầu ra. Một số ngành và lĩnh vực đã có những thành công ban đầu như hệ thống cảm biến nano đã được ứng dụng trong quan trắc chất lượng nước nuôi thủy sản; phần mềm quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm với thông tin đầy đủ, đa dạng; ngành khai thác thủy sản đã áp dụng thiết bị dò cá sử dụng sóng siêu âm, ứng dụng công nghệ bảo quản sản phẩm giúp kéo dài thời gian đi biển; một số trang trại rau sạch ở Đà Lạt đã áp dụng công nghệ IoT cho phép các công đoạn hoàn toàn khép kín, thông minh như kiểm soát độ ẩm, nước tưới, nhiệt độ, phân bón trong nhà vườn, tự động cảnh báo khi gặp sự cố, thay đổi, giúp con người có thể điều khiển các hoạt động canh tác từ xa. Ứng dụng công nghệ sinh học trong tạo giống tôm càng xanh toàn đực ở một số trang trại giống tại An Giang; anh hùng lao động, kỹ sư Hồ Quang Cua cùng các cộng sự đã nghiên cứu, tìm tòi, cải tiến, lai tạo đưa ST25 trở thành loại gạo ngon nhất thế giới năm 2019… Trên phương tiện thông tin đại chúng, ngày càng có nhiều tin bài về nông hộ làm vườn bằng smartphone, gieo hạt bằng robot tự động, phun thuốc trừ sâu bằng drone (phương tiện bay không người lái), mô hình giám sát, tưới tiêu tự động,…

Cơ giới hóa đã giúp tăng năng suất lao động, nâng cao giá trị hàng nông sản, nhiều khâu sản xuất nông nghiệp có mức độ cơ giới hóa cao như ở khâu làm đất lúa vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng đạt 100%, thu hoạch lúa đạt trên 90%; khâu chăm sóc, phun thuốc bảo vệ thực vật cây hàng năm đạt trên 70%. Trong chăn nuôi, tại các trang trại quy mô lớn có mức độ cơ giới hóa ngày càng phát triển; tỷ lệ hệ thống tự động cung cấp thức ăn, nước uống, xử lý môi trường ngày càng tăng. Lĩnh vực thủy sản đã áp dụng sử dụng máy móc, công nghệ trong nhiều khâu từ việc kiểm tra nhiệt độ nước, chăm sóc, thu hoạch.

Trong bối cảnh hội nhập và phát triển vượt bậc của ngành nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm Việt Nam thời gian qua, rất nhiều chuẩn mực quốc tế liên quan đến đảm bảo ATTP, nâng cao chất lượng đã được người dân và doanh nghiệp áp dụng tại từng khâu trong chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản, đặc biệt là việc ứng dụng các chương trình quản lý chất lượng, đảm bảo ATTP tiên tiến với các yêu cầu khắt khe về chất lượng, an toàn thực phẩm cũng như trách nhiệm với môi trường, cộng đồng.

Tại công đoạn sản xuất ban đầu: đến hết năm 2020, cả nước đã có 430 nghìn ha cây trồng được chứng nhận VietGAP; 11.521 trang trại và hộ chăn nuôi được chứng nhận VietGAHP và tương đương với sản lượng 608.144 tấn thịt và 315 triệu quả trứng; khoảng 1.500 cơ sở với trên diện tích khoảng 8.100 ha nuôi trồng thủy sản… Ngoài chứng nhận VietGAP, nhiều tiêu chuẩn nước ngoài với nhiều yêu cầu khắt khe cũng đã được Việt Nam áp dụng trong như BAP, ASC, GloabalGAP, BRC..... ước đạt 1.900 ha[[3]](#footnote-4) trong nuôi trồng thủy sản.

Tính đến năm 2020, diện tích canh tác hữu cơ tại Việt Nam tăng từ 53.350 ha năm 2016 lên khoảng 237.693 ha năm 2019. Cả nước có 46/63 tỉnh thành đang thực hiện và có phong trào sản xuất hữu cơ.  Số lượng doanh nghiệp sản xuất hữu cơ là 97 doanh nghiệp; tham gia xuất khẩu là 60 doanh nghiệp với kim ngạch khoảng 335 triệu USD/năm. Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ Việt Nam được tiêu thụ trong nước và hiện đã xuất khẩu đi nhiều nước trên thế giới, trong đó có Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật, Đức, Anh, Hàn Quốc, Nga, Singapore, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Italia....

Theo thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ[[4]](#footnote-5) (Bộ Khoa học công nghệ), đến nay, đã có 74 văn bằng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ tại Việt Nam, trong đó tới 62 văn bằng chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông lâm thủy sản Việt Nam (chiếm 83,8%).

Việc áp dụng chương trình phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP) đảm bảo ATTP theo tiêu chuẩn quốc tế tại công đoạn chế biến, kinh doanh thực phẩm đã và đang được triển khai mạnh mẽ. Theo thống kê trên website của USFDA[[5]](#footnote-6), đến nay Việt Nam có 1436 doanh nghiệp được phép xuất khẩu thực phẩm (thuộc phạm vi quản lý của USFDA) vào thị trường này. Trong lĩnh vực thủy sản, tính đến cuối năm 2020, Việt Nam có 825[[6]](#footnote-7) nhà máy chế biến thủy sản xây dựng chương trình HACCP và đáp ứng điều kiện xuất khẩu sang các thị trường có yêu cầu nghiêm ngặt về ATTP như Hoa kỳ, EU, Nhật bản, Úc, Hàn Quốc, Trung Quốc... Trong tổng số các doanh nghiệp chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản, đã có trên 30% các doanh nghiệp đã áp dụng chương trình HACCP trong sản xuất, chế biến thực phẩm.

 ***c. Chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản được cải thiện, tạo lòng tin cho người tiêu dùng và mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu***

Các loại nông sản của Việt Nam ngày càng phong phú, đa dạng và chất lượng, nhiều loại hàng có khả năng cạnh tranh được với các mặt hàng ngoại nhập. Ngoài các sản phẩm nông sản thô, chưa qua chế biến, tại các siêu, cửa hàng tiện lợi…còn có rất nhiều loại nông sản sơ chế, làm sẵn, đã chế biến với nhiều mẫu mã và bao bì đẹp mắt, rất tiện dụng cho mọi người. Theo thống kê, tỷ lệ hàng Việt tại các chợ, cửa hàng tiện lợi chiếm từ 60% trở lên, tại các siêu thị vốn đầu tư trong nước đạt 80-90% và các siêu thị vốn nước ngoài đạt 60-96%. Theo kết quả điều tra dư luận xã hội năm 2019 của Viện Nghiên cứu dư luận xã hội (Ban Tuyên giáo Trung ương), 67% người tiêu dùng xác định sẽ ưu tiên lựa chọn hàng Việt Nam và 52% người được hỏi cho biết luôn luôn khuyên người thân, bạn bè nên sử dụng hàng Việt Nam. Đặc biệt, 36% người tiêu dùng trước đây có thói quen thường mua hàng có nguồn gốc từ nước ngoài đã dừng mua, thay vào đó là mua hàng Việt Nam.

 Kết quả giám sát từ năm 2017 đến 2020 cho thấy đã có sự chuyển biến đáng kể chỉ số an toàn thực phẩm các nhóm sản phẩm chủ lực so với giai đoạn từ 2013- 2016: Trong 04 năm liên tiếp (từ 2017 đến 2020) không phát hiện mẫu vi phạm chất cấm Salbutamol trong gần 9.398 mẫu nước tiểu, 2.947 mẫu thịt tại các cơ sở giết mổ, kinh doanh (so với 0,4% mẫu thịt vi phạm chất cấm Salbutamol năm 2016); không phát hiện mẫu thịt tươi vi phạm về chỉ tiêu hóa chất, kháng sinh năm 2020 so với 1,7% số mẫu vi phạm năm 2016; tỷ lệ mẫu rau, củ, quả vi phạm chỉ tiêu về dư lượng thuốc BVTV giảm 2,05% năm 2016 xuống 1,1% năm 2020; tỷ lệ mẫu thủy sản nuôi và thủy sản chế biến vi phạm chỉ tiêu hóa chất, kháng sinh, kim loại nặng năm 2020 là 0,54%, giảm dần qua các năm (từ 3,7% năm 2016)

Chất lượng, ATTP từng bước cải thiện đã quyết định xuất khẩu nông lâm thủy sản tăng trưởng cao và ổn định:Xuất khẩu các mặt hàng NLTS chính (gạo, rau quả, cà phê, cao su, hạt tiêu, hạt điều, cao su, thủy sản, gỗ và sản phẩm từ gỗ, sắn và sản phẩm từ sắn, sản phẩm chăn nuôi) tăng từ 19,53 tỷ USD năm 2010 lên mức 41,25 tỷ USD trong năm 2020, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 8,74%/năm.Cơ cấu các mặt hàng NLTS xuất khẩu có sự thay đổi theo hướng gia tăng tỷ trọng các mặt hàng Việt Nam có lợi thế và dư địa phát triển như rau quả, hạt điều và giảm tỷ trọng các mặt hàng gạo, cà phê, chè. Các mặt hàng có tỷ trọng tăng là rau quả (tăng từ 460 triệu USD chiếm 2,36% năm 2010 lên 3,75 tỷ USD chiếm 9,24% năm 2019), hạt điều (tăng từ 1,13 tỷ USD chiếm 5,81% năm 2010 lên 3,29 tỷ USD chiếm 8,11% năm 2019).

Thị trường xuất khẩu NLTS mở rộng, chuyển dịch tích cực.Trong giai đoạn 2010-2020, thị trường xuất khẩu NLTS mở rộng tăng từ 72 nước, vùng lãnh thổ năm 2010 tăng lên trên 190 nước, vùng lãnh thổ năm 2019. Bên cạnh hai thị trường xuất khẩu chính là Trung Quốc chiếm 26,95%, Hoa kỳ chiếm 21,95% tổng giá trị xuất khẩu NLTS 2019, Việt Nam cũng đã đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như: Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Úc, New Zealand, khu vực ASEAN, khu vực Trung Đông-châu Phi,...

**2. Năng lực thực thi pháp luật quản lý chất lượng, ATTP được tăng cường**

***a. Hệ thống chính sách pháp luật, tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật được xây dựng, cập nhật cơ bản đầy đủ, từng bước hài hoà với chuẩn mực, thông lệ quốc tế và phù hợp với thực tiễn ngành nông nghiệp***

Trong giai đoạn 2011-2020, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo ưu tiên nguồn lực xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật quản lý chất lượng, ATTP trong phạm vi quản lý của Bộ. Đến nay đã chủ trì, phối hợp với các Bộ Ngành trình Quốc hội, Chính phủ và ban hành theo thẩm quyền cơ bản đầy đủ chính sách pháp luật phục vụ quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ (06 Luật, 29 Nghị định, 22 Quyết định, Chỉ thị, đề án của Thủ tướng Chính phủ, sửa đổi và ban hành 146 Thông tư về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp*,* ATTP nông lâm thủy sản*.*

Các quy định tại các văn bản qui phạm pháp luật quản lý chất lượng, ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp đã đảm bảo phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế và theo hướng đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý như Nghị định 15/2018/NĐ-CP đã chuyển hướng kiểm soát ATTP nông lâm thủy sản nhập khẩu từ gốc (kiểm tra, công nhận quốc gia, doanh nghiệp nước ngoài trước khi xuất khẩu vào Việt Nam kết hợp kiểm soát chặt chẽ tại cửa khẩu), góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng mà còn sử dụng các quy định nêu trên như là hàng rào kỹ thuật đối ứng trong đàm phán mở rộng thị trường xuất khẩu đối với sản phẩm nông lâm thủy sản của Việt Nam; Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, hoàn thiện từ Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT; Thông tư 14/2011/TT-BNNPTNT) đã thay đổi phương thức kiểm tra cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và nông lâm thủy sản từ bị động, rời rạc của từng địa phương sang kiểm tra chủ động, có hệ thống dựa trên đánh giá rủi ro, phân loại cơ sở để tập trung nguồn lực kiểm soát, xử lý các cơ sở chưa đáp ứng đầy đủ các qui định về chất lượng, ATTP; Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung từ Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT) đã kiểm soát các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận ATTP, đảm bảo bao quát hết các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Ngành Nông nghiệp và PTNT;.

Bên cạnh đó, Bộ cũng đã xây dựng, trình ban hành một số chính sách hỗ trợ, tạo động lực cho người dân, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn như Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; Nghị định 109/2018/NĐ-CP về nông nghiệp hữu cơ; Chương trình mục tiêu quốc gia về vệ sinh ATTP; các Đề án: Tăng cường năng lực quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và muối giai đoạn 2011-2015; Xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung cấp thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên phạm vi toàn quốc; Thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030; Phát triển ngành chế biến rau, củ, quả giai đoạn 2021 – 2030… Đây là các đề án nhằm tăng cường năng lực kiểm soát chất lượng, ATTP theo chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

Hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ công tác quản lý đã được ban hành tương đối đầy đủ (lũy kế đến tháng 6/2021 đã có 402 tiêu chuẩn và 32 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia) làm công cụ kỹ thuật quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP cho từng công đoạn theo chuỗi sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.

***b. Tổ chức bộ máy, nguồn lực quản lý từng bước được tăng cường kết hợp với đẩy mạnh xã hội hóa và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý***

 *- Về tổ chức bộ máy*

+ Ở trung ương: 8 đơn vị được phân công quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản (Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản làm đầu mối, 02 Tổng cục (Thủy sản, Lâm nghiệp), 05 Cục chuyên ngành (Thú y, Bảo vệ thực vật, Trồng trọt, Chăn nuôi, Kinh tế Hợp tác và PTNT)) theo từng chuỗi ngành hàng, đáp ứng yêu cầu quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT

+ Ở địa phương:Thực hiện Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLTBNNPTNT-BNV và Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV hướng dẫn tổ chức bộ máy ngành nông nghiệp tại địa phương, các tỉnh, thành phố trực thuộc TW đã thành lập Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản. Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW tại các địa phương khác nhau dẫn đến tổ chức Chi cục QLCL tại các địa phương đang biến động, không đồng nhất (một số địa phương chuyển Chi cục thành phòng thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, hoặc ghép vào Chi cục khác; một số địa phương giải thể Chi cục QLCL và giao nhiệm vụ quản lý chất lượng cho các chi cục khác; 3 tỉnh, thành phố thành lập Ban Quản lý ATTP…) dẫn đến hiệu lực, hiệu quả quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản tại một số địa phương suy giảm, ảnh hưởng đến mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngành trong chương trình tái cơ cấu ngành Nông nghiệp.

* *Về biên chế, nhân sự*

Ở trung ương, các đơn vị thuộc Bộ đã cơ bản được bố trí đủ nguồn lực triển khai nhiệm vụ. Ở địa phương, giai đoạn 2011-2016, UBND các tỉnh, thành phố cũng đã quan tâm bố trí biên chế (gồm công chức, viên chức và lao động hợp đồng) cho các Chi cục với tổng số người làm việc các Chi cục địa phương là khoảng 1200 người, trung bình mỗi Chi cục được giao 15,3 người. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, số biên chế làm công tác quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản tại 1 số địa phương bị cắt giảm do không còn Chi cục QLCL dẫn đến không đủ nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ quản lý chất lượng, ATTP được phân công, phân cấp tại địa phương.

*- Về đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ*

Trong giai đoạn từ 2011 đến nay, trong toàn Ngành đã tổ chức hơn 250 nghìn khóa bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý chất lượng, thẩm định điều kiện đảm bảo ATTP, lấy mẫu, kiểm soát giết mổ, quy trình VietGAP, quản lý chất lượng ATTP nông lâm thủy sản cho hơn 1.372 nghìn lượt học viên là cán bộ chuyên trách quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản từ trung ương đến địa phương

* *Về cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin*

Các đơn vị thuộc Bộ được quan tâm đầu tư, bố trí cơ sở, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu làm việc, có hệ thống các đơn vị sự nghiệp được đầu tư đủ cơ sở, trang thiết bị kiểm nghiệm, giám sát, kiểm tra, thanh tra chất lượng, ATTP theo chuẩn mực quốc tế và được hầu hết các nước nhập khẩu kể cả các quốc gia có yêu cầu khắt khe như Hoa kỳ, EU, Nhật bản công nhận.

Các địa phương còn giữ tổ chức Chi cục QLCL đã quan tâm, bố trí cơ sở vật chất (trụ sở, phương tiện làm việc/vận chuyển, trang thiết bị kiểm tra/kiểm nghiệm...), tuy nhiên còn rất hạn chế so với nhu cầu quản lý theo phân công, phân cấp, thiếu nguồn lực và kinh phí để thực hiện đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả các nhiệm vụ được giao theo Thông tư liên tịch 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV, Thông tư 15/2015/TT-BNNPTNT.

Trong thời gian qua, Bộ Nông nghiệp và PTNT và các địa phương đã quan tâm đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, sử dụng chữ ký số trong gửi, nhận văn bản điện tử, áp dụng phần mềm văn phòng điện tử, thực hiện các thủ tục hành chính trên dịch vụ công trực tuyến và cơ chế Một cửa quốc gia; sử dụng hiệu quả thư điện tử, ứng dụng mạng xã hội (Zalo, Facebook…) để hỗ trợ doanh nghiệp, tiếp nhận phản ánh kiến nghị, xử lý các vướng mắc nhanh chóng, kịp thời; tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ cũng như tiếp nhận, thẩm định giải quyết các thủ tục hành chính trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thời gian giãn cách xã hội do dịch bệnh Covid 19 diễn ra phức tạp.

* *Về xã hội hóa tăng cường nguồn lực phục vụ quản lý*

Để tăng cường nguồn lực phuc vụ quản lý nhà nước và phục vụ người dân và doanh nghiệp đảm bảo chất lượng, ATTP, trong những năm qua Bộ Nông nghiệp và PTNT đã đi đầu trong triển khai mạnh mẽ xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội tham gia các hoạt động kiểm nghiệm, tư vấn, chứng nhận chất lượng, ATTP. Đến nay đã có 23 phòng thử nghiệm được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước vê an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

***c. Công tác phổ biến, giáo dục, thông tin truyền thông được đổi mới tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành vi đảm bảo chất lượng, ATTP***

Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo các địa phương thực hiện cải cách, đổi mới công tác phổ biến, giáo dục, thông tin truyền thông về chất lượng, ATPP theo hướng kết hợp phổ biến giáo dục pháp luật với thông tin truyền thông, quảng bá các cơ sở sản xuất kinh doanh, các nông sản thực phẩm an toàn, chất lượng cao nhằm tăng cường nhận thức và chuyển đổi hành vi đảm bảo chất lượng, ATTP của các đối tượng tham gia chuỗi cung ứng từ người sản xuất đến người tiêu dùng, cụ thể:

- Đa dạng hóa sản phẩm phổ biến, giáo dục pháp luật; kết hợp triển khai tuyên truyền phổ biến trên thông tin đại chúng với phổ biến trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi cung cấp nông lâm thủy sản. Theo thống kê chưa đầy đủ, từ năm 2011 đến nay, toàn Ngành đã tổ chức 82.289 hội nghị, hội thảo cho hơn 4.203 nghìn lượt người là nông dân, người sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông lâm thủy sản; sản xuất, phát hành hơn 360.000 sản phẩm truyền thông như phóng sự, tin bài trên đài truyền hình, đài phát thanh, báo; gần 8 triệu sản phẩm truyền thông như băng rôn, khẩu hiệu, áp phích, tờ gấp, tờ rơi, tờ dán tài liệu... tuyên truyền, phổ biến quy định đảm bảo chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản.

- Huy động, kết hợp với các tổ chức chính trị xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam) để tuyên truyền, phổ biến, vận động, giám sát tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn (*Chương trình phối hợp số 17-CTPH/HND-MTTQ-BNN&PTNT-BCT ngày 17/7/2014 về giám sát việc thực hiện pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp giai đoạn 2014-2020; Chương trình phối hợp số 90/CTrPH/CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 30/3/2016 vận động và giám sát bảo đảm ATTP giai đoạn 2016-2020; Chương trình 526/CTPH-CP-HNDVN-HLHPNVN về “tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2017-2020*”): Đã tổ chức trên 160 ngàn lớp tập huấn, hội thảo, tọa đàm... cho gần 36 triệu hội viên hai Hội, phát hành trên 10,5 triệu ấn phẩm truyền thông, tài liệu, sổ tay, tờ rơi...; vận động gần 9 triệu hộ gia đình hội viên ký cam kết và tuân thủ quy định đảm bảo ATTP trong sản xuất kinh doanh nông sản; áp dụng các quy trình sản xuất chất lượng, an toàn, bền vững như VietGAP, GlobalGAP, VietGAHP, ISO, HACCP...

- Phối hợp chặt chẽ với các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến kiến thức, hướng dẫn lựa chọn, bảo quản chế biến thực phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn cho người tiêu dùng; quảng bá các sản phẩm, địa chỉ sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm chất lượng, an toàn, tạo niềm tin cho người tiêu dùng về các sản phẩm chất lượng, an toàn. Phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện các Chuyên mục “Nói không với thực phẩm bẩn”; ”Nông nghiệp sạch cho người Việt Nam, cho thế giới”, chương trình *”Nông nghiệp xanh, thực phẩm sạch”,* cập nhật và quảng bá danh mục chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn trên website của các cơ quan quản lý và trên chuyên mục ”Nông nghiệp sạch” của báo điện tử Vnexpress, chuyên trang “*Địa chỉ xanh, nông sản sạch”* trên Báo nông thôn..); sản xuất, phát sóng các bản tin về đảm bảo ATTP và các phóng sự cập nhật và quảng bá danh mục chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn; các mô hình áp dụng thực hành nông nghiệp tốt VietGAP; tổ chức các phiên chợ, hội chợ nông sản thực phẩm an toàn....Việc tuyên truyền về đảm bảo chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP trong sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản qua hệ thống loa phát thanh tại các xã, phường... cũng phát huy được hiệu quả.

Kết quả đạt được tạo dư luận tốt trong xã hội, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và hành vi của người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng cũng như niềm tin của người tiêu dùng trong lựa chọn và tiêu thụ các sản phẩm nông lâm thủy sản được kiểm soát ATTP theo chuỗi đảm bảo nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và được chứng nhận, xác nhận an toàn.

 ***d. Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra được tăng cường, phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm vi phạm về chất lượng, ATTP***

 Các chương trình giám sát ATTP trong sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản được thiết kế, vận hành theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế để phân tích nguy cơ, kịp thời cảnh báo và triển khai các biện pháp xử lý vi phạm và phòng ngừa tái phạm theo quy định*.* Kết quả lấy 806.987 mẫu nông lâm thủy sản giám sát diện rộng từ năm 2017 đến 2020 cho thấy đã có sự chuyển biến đáng kể về an toàn thực phẩm các nhóm sản phẩm chủ lực so với giai đoạn từ 2013- 2016. Trong 04 năm liên tiếp (từ 2017 đến 2020) không phát hiện mẫu vi phạm chất cấm Salbutamol trong gần 9.398 mẫu nước tiểu, 2.947 mẫu thịt tại các cơ sở giết mổ, kinh doanh (so với 0,4% mẫu thịt vi phạm chất cấm Salbutamol năm 2016); không phát hiện mẫu thịt tươi vi phạm về chỉ tiêu hóa chất, kháng sinh năm 2020 so với 1,7% số mẫu vi phạm năm 2016; tỷ lệ mẫu rau, củ, quả vi phạm chỉ tiêu về dư lượng thuốc BVTV giảm 2,05% năm 2016 xuống 1,1% năm 2020; tỷ lệ mẫu thủy sản nuôi và thủy sản chế biến vi phạm chỉ tiêu hóa chất, kháng sinh, kim loại nặng năm 2020 là 0,54%, giảm dần qua các năm (từ 3,7% năm 2016). Việc duy trì các chương trình giám sát ATTP cũng đã được các nước nhập khẩu khắt khe như EU, Hoa kỳ, Nhật bản, Trung quốc…công nhận, là điều kiện để Việt nam được cấp phép xuất khẩu nông lâm thủy sản sang các thị trường này.

Hoạt động thẩm định chứng nhận đủ điều kiện ATTP được duy trì, giúp cơ sở sản xuất kinh doanh kịp thời nhận diện, khắc phục sai lỗi, nâng cấp điều kiện sản xuất kinh doanh đảm bảo ATTP. Tỷ lệ cơ sở SXKD nông lâm thủy sản được kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện ATTP năm 2020 là 98% (tăng tương ứng so với năm 2011, 2016 là 60%, 82%)*.* Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản nhỏ lẻ ký cam kết theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT năm 2020 là 77%, tăng so với 56 % năm 2016

Hoạt động thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch đã được chuyển mạnh sang thanh tra, kiểm tra đột xuất các cơ sở có dấu hiệu vi phạm. Giai đoạn 2017 -2020 toàn Ngành nông nghiệp đã thanh, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính 22.289 cơ sở/237.040 cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và nông lâm thủy sản (chiếm 9,4%, giảm so với giai đoạn 2012-2016 là 15,7%) với tổng số tiền phạt là 174,92 tỷ đồng (tăng so với giai đoạn 2013 -2016 là 50,6 tỷ đồng). Bộ đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Hải quan,…điều tra, thanh tra, triệt phá dứt điểm các đường dây nhập lậu, các cơ sở tàng trữ, lưu thông, buôn bán chất cấm, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y ngoài danh mục được phép sử dụng trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ nhằm phát hiện và truy xuất, thu hồi, xử lý theo quy định (xử phạt hành chính, tái xuất, tịch thu, tiêu hủy...) các lô hàng vật tư nông nghiệp, nông lâm thủy sản nhập khẩu vi phạm quy định chất lượng, ATTP.

Bộ cũng đã chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, địa phương kiểm tra, xác minh, xử lý kịp thời các vi phạm, sự cố chất lượng, ATTP; cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác tránh để người dân hoang mang, bức xúc như thông tin lưu thông gạo giả, mực giả trên thị trường;giết mổ lợn chết làm thực phẩm tại Cao Bằng; sử dụng phụ gia thực phẩm quá hạn sử dụng tại cơ sở chế biến xúc xích tại Thái Bình; phát hiện Aflatoxin trong ớt bột…và gần đây nhất là sự cố ngộ độc thực phẩm pate Minh chay...

***đ. Tăng cường hợp tác quốc tế, chủ động đàm phán mở rộng thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản***

Để mở rộng thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo các cơ quan chuyên ngành chủ động đám phán tiếp cận mở cửa thị trường cũng như xử lý kịp thời các rào cản, vướng mắc kỹ thuật thúc đẩy xuất khẩu. Một trong các điểm nổi bật là Bộ đã thành công trong việc ký kết các Thỏa thuận hợp tác công nhận lẫn nhau về hệ thống kiểm soát chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản với nhiều nước trong đó có các quốc gia yêu cầu rất cao, khó tính về chất lượng, ATTP như EU, Hoa kỳ, Nhật bản, Trung quốc....Nhờ vậy ngày càng có nhiều nông thủy sản Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường khó tính như xuất khẩu chính ngạch sữa, trái cây sang Trung Quốc, thịt gà sang Nhật; trái cây, thủy sản sang Hoa Kỳ, EU, Nhật bản, Hàn quốc, Úc, Nga...đưa kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tăng nhanh từ 19,15 tỷ USD năm 2010 lên 41,25 tỷ USD năm 2020 đi trên 190 quốc gia và vùng lãnh thổ.

**II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN**

**1. Tồn tại, hạn chế**

**1.1. Về chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản**

***a. Tỷ lệ cơ sở sản xuất được chứng nhận theo các tiêu chuẩn quốc tế chất lượng, an toàn còn thấp*; *tỷ trọng sản phẩm được kiểm soát chất lượng, ATTP tại từng công đoạn và trong toàn chuỗi cung ứng theo chuẩn quốc tế chưa cao***

Tại khâu sản xuất ban đầu: diện tích trồng trọt được chứng nhận VietGAP, globalGAP và tương đương mới chỉ đạt 430.000ha; diện tích nuôi trồng thủy sản được chứng nhận ViệtGAP, GlobalGAP và tương đương (ASC, BAP…), chiếm khoảng 10.000ha. Tỷ lệ thịt và trứng từ các cơ sở được chứng nhận VietGAP mới đạt tương ứng 608.000 tấn và 315 triệu quả..

Theo thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ[[7]](#footnote-8) (Bộ Khoa học công nghệ), đến nay mới có 62 văn bằng chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông lâm thủy sản Việt Nam, trong đó có tới 53 văn bằng cho các sản phẩm trồng trọt tươi, thô (quả cam, quả dứa, quế, hồi, gạo các loại...) chỉ có 04 văn bằng (6,4%) cho các sản phẩm đã qua chế biến (nước mắm, mắm tôm, chả mực).

Tại khâu sơ chế, chế biến kinh doanh: Đa số các cơ sở lớn tham gia xuất khẩu nông lâm thủy sản đi các thị trường khó tính đều thiết lập và vận hành hệ thống quản lý chất lượng, ATTP theo HACCP, ISO9000, ISO22000…tuy nhiên tỷ lệ này rất thấp so với số cơ sở qui mô vừa và nhỏ chỉ phục vụ tiêu thụ nội địa. Hơn nữa qui định pháp luật của Việt nam hiện tại chưa bắt buộc phải áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế này cho tất cả các sản phẩm nông lâm thủy sản.

Tỷ trọng nông lâm thủy sản chủ lực, đặc sản tại địa phương được kiểm soát chất lượng, ATTP tại từng công đoạn và trong toàn chuỗi theo chuẩn quốc tế còn thấp. Theo thống kê, chỉ khoảng 10-15% sản lượng sản phẩm chủ lực, đặc sản duy trì kiểm soát chất lượng, ATTP tại từng công đoạn và trong toàn chuỗi do sự liên kết ngang giữa các hộ sản xuất cũng như liên kết dọc với cơ sở thu mua, sơ chế, giết mổ, chế biến, kinh doanh hiện nay còn rất lỏng lẻo, thiếu bền vững.

***b. Sản phẩm nông lâm thủy sản chất lượng chưa đồng đều, thiếu ổn định, thất thoát sau thu hoạch còn lớn; tỷ trọng sản phẩm chế biến, làm sẵn, ăn liền còn thấp; tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết chưa đạt yêu cầu; vi phạm về ATTP, lô hàng bị trả về tuy giảm nhưng còn ở mức cao.***

Một trong các yếu điểm là chất lượng sản phẩm nông lâm thủy sản của nước ta chưa đồng đều, thiếu ổn định và thiếu thông tin nguồn gốc xuất xứ trong khi các yêu cầu của người tiêu dùng trong nước và của các nước nhập khẩu ngày càng cao nhất là yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc.

Theo thống kê chưa đầy đủ, tổn thất sau thu hoạch cũng chiếm con số không nhỏ từ 20 - 25%, ước tính tổng thiệt hại khoảng 8,8 triệu tấn (tương đương 3,9 tỷ USD) mỗi năm. Trong đó, tỷ lệ thất thoát ở nhóm rau ăn lá là cao nhất với hơn 30% sản lượng, các loại quả hơn 25%, rau ăn củ từ 10 – 20%. Tổn thất sau thu hoạch lúa từ 14 – 15 %, ngô 18%, sắn 25%, thịt 14%, thủy sản 12%,...

Mặc dù trong thời gian qua cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản đạt được những thành tựu đáng kể, tuy nhiên, sự phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của ngành nông nghiệp và thế mạnh của nhiều địa phương. Mức độ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp ở một số khâu còn thấp; công nghiệp phụ trợ chưa phát triển khiến giá vật tư, trang thiết bị cao do phải nhập khẩu. Sản phẩm chế biến nông sản chủ yếu vẫn là sơ chế nên giá trị gia tăng thấp (chiếm tới 70 - 80%), chủng loại chưa phong phú; các nông sản xuất khẩu chủ yếu vẫn là xuất thô, sơ chế, tỷ lệ chế biến sâu chỉ đạt khoảng 30%; trong đó, các mặt hàng rau quả, thịt, khối lượng đưa vào chế biến chỉ chiếm 8-10% sản lượng hằng năm. Nông sản Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu ở dạng thô, tươi, tỷ lệ sản phẩm chế biến sâu còn thấp, tỷ lệ xuất khẩu rau quả chế biến của nước ta chỉ chiếm chưa tới 19% mặt hàng rau quả, trình độ công nghệ chế biến nông sản nhìn chung đạt ở mức độ trung bình trên thế giới.

Theo qui định của pháp luật, chỉ cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được chứng nhận đủ điều kiện ATTP hoặc ký cam kết tuân thủ qui định đảm bảo ATTP mới được phép đưa sản phẩm ra thị trường tiêu thụ, tuy nhiên số liệu thống kê năm 2020 cho thấy tỷ lệ cơ sở SXKD được chứng nhận đủ điều kiện ATTP mới đạt 98,6%; tỷ lệ số cơ sở nhỏ lẻ phải ký cam kết tuân thủ qui định ATTP mới đạt 77%;

Số vụ vi phạm, sự cố về chất lượng, ATTP đã giảm nhưng vẫn còn ở mức cao; vẫn còn nhiều đơn hàng xuất khẩu bị trả về do mức tồn dư hóa chất, kháng sinh cấm, vượt ngưỡng, sử dụng các chất ngoài danh mục không được phép sử dụng trong quá trình sản xuất, chế biến, phân phối...đã ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin người tiêu dùng trong nước cũng như uy tín nông lâm thủy sản nước ta trên thị trường quốc tế

**1.2. Về công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản**

***a. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn chưa được cập nhật đầy đủ, kịp thời theo chuẩn mực quốc tế và đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển ngành nông nghiệp .***

Theo đánh giá chung, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn cơ bản đầy đủ phục vụ quản lý. Tuy nhiên Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa, luật ATTP và một số văn bản pháp luật được ban hành đã lâu, đã lạc hậu so với chuẩn mực quốc tế cũng như nhu cầu thực tiễn ngành nông nghiệp và yêu cầu về cải cách hành chính cần phải được rà soát, sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn mới, đặc biệt là trong tình hình diễn biến phức tạp của đại dịch Covid 19.

Tương tự như vậy, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh và quản lý chất lượng, ATTP trong phạm vi quản lý của Ngành Nông nghiệp và PTNT mặc dù đã tương đối đầy đủ nhưng cần được liên tục rà soát, chuẩn hóa theo chuẩn mực quốc tế CODEX để đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trong nước và hàng rào kỹ thuật của các nước nhập khẩu

***b. Tổ chức bộ máy các cấp chưa đầy đủ, thiếu ổn định***

Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật ATTP và văn bản pháp luật hướng dẫn thực thi 2 luật phân cấp rất rộng, rất mạnh cho các cấp tại địa phương. Tuy nhiên việc thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW tại các địa phương khác nhau dẫn đến tổ chức Chi cục QLCL tại các địa phương biến động, không đồng nhất (một số địa phương chuyển Chi cục thành phòng thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc ghép vào Chi cục khác; một số địa phương giải thể Chi cục QLCL; 3 tỉnh, thành phố thành lập Ban Quản lý ATTP… hoặc Cà Mau giao nhiệm vụ quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản của ngành nông nghiệp và PTNT cho chi cục ATTP thuộc Sở Y tế …). Việc tổ chức mô hình phòng quản lý chất lượng nông lâm thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT ảnh hưởng khá nhiều về tính chủ động trong việc triển khai các nhiệm vụ. Theo qui định phòng kinh tế hoặc phòng nông nghiệp cấp huyện, UBND cấp xã được phân cấp tham gia quản lý chất lượng, ATTP tại địa bàn nhưng phần lớn các địa phương chưa phân cấp rõ, đặc biệt đến cấp xã và quan trọng hơn là chưa bố trí tổ chức, nguồn lực phù hợp để có thể triển khai đầy đủ nhiệm vụ tại từng cấp theo phân cấp.

 ***c. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, biên chế, cơ chế tài chính chưa đáp ứng nhu cầu cần thiết để triển khai đầy đủ, hiệu quả theo phân công, phân cấp***

Theo báo cáo từ các địa phương, cơ sở làm việc một số chi cục quá nhỏ, diện tích làm việc cho cán bộ nhân viên hạn chế; trang thiết bị, phương tiện làm việc tại còn một số Chi cục cũ, lạc hậu ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động thường xuyên cũng như triển khai nhiệm vụ chuyên môn được giao của Chi cục. Thiết bị kiểm nghiệm, kiểm tra nhanh tại hiện trường tại phần lớn các địa phương còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu quản lý do thiếu kinh phí đầu tư.

Theo nhu cầu, mỗi chi cục cần tối thiểu 20-22 công chức/viên chức để có thể triển khai đầy đủ các nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, thực tế cho thấy có nhiều đơn vị được bố trí dưới 20 nhân lực nên gặp rất nhiều khó khăn trong triển khai nhiệm vụ với khối lượng công việc lớn, đặc biệt ở các địa bàn quản lý rộng, địa hình phức tạp. Hoạt động tự đào tạo, bồi dưỡng cũng như cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chưa thường xuyên, liên tục do nhiều nguyên nhân: cán bộ chuyển công tác khác, bận công tác chuyên môn, kinh phí hỗ trợ thấp,… nên chất lượng nguồn nhân lực của đa số Chi cục còn hạn chế.

Về tài chính: Trong giai đoạn 2016 – 2020 Ngành Nông nghiệp và PTNT được cấp 251.360 triệu đồng từ Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế - Dân số với Nguồn thu phí, lệ phí được để lại phục vụ trực tiếp cho quản lý ATTP giai đoạn 2016 -2020 hết sức hạn chế, không đủ chi cho các hoạt động thường xuyên của cơ quan chuyên ngành (theo báo cáo đơn vị, địa phương khoảng 880.000 triệu đồng). Các nguồn tài chính khác khoảng 300.000 triệu đồng.

Đầu tư ngân sách cho quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản mặc dù đã được Chính phủ quan tâm (được cấp 251.360 triệu đồng từ Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế - Dân số giai đoạn 2016 -2020) cùng với nguồn thu phí, lệ phí và đầu tư khiêm tốn từ ngân sách địa phương nên còn rất hạn chế so với phạm vi nhiệm vụ được phân công quản lý rất rộng của Ngành (chịu trách nhiệm quản lý 19/30 nhóm thực phẩm từ sản xuất ban đầu đến chợ đầu mối, đấu giá và cơ sở chuyên doanh, xuất nhập khẩu nông lâm thủy sản). Đặc biệt trong giai đoạn mới từ năm 2021 khi chưa có nguồn thay thế nguồn từ Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế - Dân số là một khó khăn rất lớn để đảm bảo hiệu quả quản lý an toàn thực phẩm đặc biệt là hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, giám sát, thanh tra, kiểm tra là các hoạt động quản lý nhà nước đòi hỏi phải có nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước.

**2. Nguyên nhân**

**2.2. Nguyên nhân chủ quan:**

- Tầm nhìn, nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ lãnh đạo quản lý về vai trò, tầm quan trọng của chất lượng, ATTP trong phát triển nông nghiệp bền vững, nông thôn văn minh chưa đầy đủ, sâu sắc, đồng thời, chưa quyết liệt trong việc thực hiện các nhiệm vụ Nhận thức, ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng về chất lượng, ATTP còn hạn chế.

 - Cơ chế chính sách pháp luật chưa được rà soát, điều chỉnh kịp thời; tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật phục vụ công tác quản lý chưa được soát xét, cập nhật đảm bảo hài hòa với chuẩn mực, thông lệ quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản phù hợp với mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp trách nhiệm, bền vững và định hướng phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong tình hình mới;

- Lãnh đạo các địa phương chưa thực sự quan tâm hoàn thiện tổ chức bộ máy và đầu tư, điều hòa, lồng ghép các nguồn lực thỏa đáng cho lĩnh vực quản lý chất lượng, ATTP;

- Kinh phí đầu tư cho công tác đảm bảo chất lượng, ATTP thấp so với các lĩnh vực khác và thấp hơn so với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới;

- Đầu tư và cơ sở hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu. Muốn sản phẩm chất lượng, an toàn cần có môi trường (đất, nước, không khí), điều kiện sản xuất kinh doanh (vườn, ao, chuồng, nhà xưởng, trang thiết bị, dụng cụ) hiện đại, an toàn tuy nhiên tỷ xuất đầu tư vào sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm còn rất thấp;

- Vai trò kinh tế tập thể, (HTX, tổ hợp tác) kinh tế trang trại…, hiệp hội ngành hàng còn mờ nhạt trong hỗ trợ hộ sản xuất, doanh nghiệp thông tin thị trường, định hướng tiêu chuẩn, qui trình sản xuất gắn với thị trường, liên kết chuỗi cung ứng và tổ chức giám sát, quản lý cộng đồng đảm bảo chất lượng, ATTP;

- Một bộ phận cán bộ công chức chưa nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ đặc biệt trong thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm ATTP, còn tình trạng nể nang, né tránh, thậm chí tiêu cực, nhũng nhiễu

**2.1. Nguyên nhân khách quan;**

- Sản xuất nông nghiệp dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu dẫn đến nguy cơ lạm dụng thuốc thú y, thuốc BVTV, hóa chất điều hòa tăng trưởng để duy trì sản xuất, sản lượng nhưng không đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, ATTP

- Cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, sự gia tăng nhà máy, các khu công nghiệp, các khu đô thị dẫn đến môi trường sản xuất nông nghiệp bị ô nhiễm. Bên cạnh đó, áp lực nâng cao năng suất, sản lượng bằng cách gia tăng sử dụng vật tư nông nghiệp là nguyên nhân chính dẫn đến mất vệ sinh, ATTP

- Sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản còn manh mún, nhỏ lẻ, tự phát dẫn tới khó tổ chức sản xuất tập trung chuẩn hóa từ nguyên liệu đảm bảo chất lượng đồng đều, ổn định cũng như rất khó để kiểm soát được vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Trong quá trình hội nhập quốc tế, bên cạnh các thuận lợi, cũng tồn tại nguy cơ nước ta trở thành thị trường tiêu thụ vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông lâm thủy sản chất lượng thấp, không đảm bảo ATTP.

**III. NHỮNG KHÓ KHĂN THÁCH THỨC TRONG GIAI ĐOẠN TỚI**

**1. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu:**

Tình hình thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt, khó lường tác động trực tiếp tới duy trì tránh đứt gãy chuỗi cung ứng đặc biệt là hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cũng như thu hoạch, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ, xuất nhập khẩu.

Đối với Việt Nam, biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, thiên tai ngày càng khó lường, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi vẫn luôn là thách thức phải khắc phục để duy trì sản xuất không những đảm bảo an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng mà còn đảm bảo yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và thị trường nhập khẩu về chất lượng, ATTP

**2. Toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ**

Nông nghiệp Việt Nam đã hội nhập nhanh, toàn diện và khá hiệu quả với kinh tế khu vực và thế giới thông qua việc tham gia các FTAs, nhiều hiệp định song phương và đa phương khác. Trong sân chơi toàn cầu đó, Việt Nam chấp nhận cam kết không bảo hộ và tuân thủ hầu hết các điều ước, thỏa thuận, tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Trong thời đại toàn cầu hóa và bùng nổ công nghệ thông tin, độ mở của nền kinh tế cao, giao thương hàng hóa trong đó có thực phẩm nông lâm thủy sản ngày càng lớn, việc cạnh tranh về chất lượng nông lâm thủy sản ngày càng phức tạp với nhiều cơ hội nhưng cũng nhiều khó khăn phức tạp ngay cả trong thị trường nội địa (cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu) và xuất khẩu (cạnh tranh với sản phẩm truyền thống bản địa và các sản phẩm nhập khẩu của các nền kinh tế khác)

Cách mạng khoa học công nghệ lần thứ 4 sẽ mang lại nhiều cơ hội nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng cho ngành nông nghiệp. Tuy nhiên sẽ là bất lợi với các nước đang phát triển như nước ta do việc áp dụng công nghệ tiên tiến hạn chế dẫn đến lợi thế cạnh tranh bị suy giảm.

**3. Xu hướng bảo hộ, xung đột thương mại**

Xu hướng tự do hóa thương mại tiếp tục được diễn ra trong thời gian tới. Theo đó, các hiệp định thương mại FTA song phương tiếp tục phát triển và mở rộng thúc đẩy thương mại giữa các quốc gia. Tuy nhiên chủ nghĩa bảo hộ, xung đột thương mại trỗi dậy ở nhiều nơi, đặc biệt cạnh tranh thương mại Mỹ-Trung và đại dịch Covid-19 được dự báo sẽ diễn biến lâu dài và phức tạp gây khó khăn trong khôi phục sản xuất và chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản ảnh hưởng lớn đến sự quan tâm và động lực của các bên tham gia trong việc duy trì các biện pháp đảm bảo chất lượng, ATTP

**4. Yêu cầu của người tiêu dùng ngày càng cao**

Trong những năm qua cùng với sự tuyên truyền của các cơ quan chức năng, toàn cầu hóa và bùng nổ thông tin, đặc biệt là mức sống nói chung đã tăng lên rõ rệt, người tiêu dùng đã có nhận thức đúng, có nhiều kinh nghiệm trong việc lựa chọn và yêu cầu cao về vệ sinh an toàn thực phẩm ngày càng tăng lên. Người tiêu dùng không chỉ yêu cầu sản phẩm chất lượng mà phải an toàn, phù hợp làm thực phẩm, nguồn gốc rõ ràng. Ngoài ra, chuỗi sản xuất sản phẩm thực phẩm còn phải đáp ứng các yêu cầu về phúc lợi động vật, bảo vệ môi trường, khai thác có trách nhiệm…

**PHẦN THỨ BA: NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

**I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

**1. Quan điểm:**

- Bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản chính là bảo vệ sức khỏe, và quyền lợi của nhân dân, là nhiệm vụ thường xuyên cần tập trung chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền thuộc Bộ, ngành; là trách nhiệm và quyền lợi của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm và của mỗi người dân;

- Bảo đảm an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng gắn với truy xuất nguồn gốc theo chuẩn mực quốc tế, được thực hiện từ gốc, tại từng công đoạn và trong toàn bộ trong chuỗi giá trị ngành hàng nông lâm thủy sản;

- Huy động các nguồn lực xã hội nâng cấp cơ sở hạ tầng, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất với tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số để nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản;

- Tập trung nguồn lực hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tăng cường năng lực thực thi pháp luật; đổi mới, chuẩn hóa, đẩy mạnh áp dụng biện pháp quản lý tiên tiến phù hợp tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành, hội nhập kinh tế quốc tế.

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Góp phần bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của nhân dân; nâng cao chất lượng, giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông lâm thủy sản của Việt Nam tại thị trường trong nước và quốc tế.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

***a. Giai đoạn 2021-2025***

* Diện tích trồng trọt, diện tích nuôi thủy sản, số cơ sở chăn nuôi được chứng nhận Thực hành nông nghiệp tốt - GAP (như VietGAP hoặc tương đương) tăng 10%/năm;

- 100% cơ sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản được chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết tuân thủ quy định an toàn thực phẩm;

- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm sản và thủy sản được chứng nhận HACCP, ISO 2200 (hoặc tương đương) tăng tương ứng 10%/năm và 15%/năm;

- Tỷ lệ sản phẩm chế biến sâu (làm sẵn, ăn liền) tăng 10%/năm;

- Tỷ lệ mẫu thực phẩm nông lâm thủy sản được giám sát vi phạm các quy định an toàn thực phẩm giảm 10%/năm;

- Tỷ lệ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản tương đương tiêu chuẩn quốc tế đạt 80%;

- 100% các địa phương kiện toàn hệ thống quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản phù hợp với phân công, phân cấp;

- 100% cán bộ quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản các cấp được bồi dưỡng, cập nhật hàng năm về chuyên môn nghiệp vụ.

***b. Giai đoạn 2026-2030***

* Diện tích trồng trọt, diện tích nuôi thủy sản, số cơ sở chăn nuôi được chứng nhận Thực hành nông nghiệp tốt – GAP (như VietGAP hoặc tương đương) tăng 15%/năm;

- Duy trì 100% cơ sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản được chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết tuân thủ quy định an toàn thực phẩm;

- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm sản và thủy sản được chứng nhận HACCP, ISO 2200 (hoặc tương đương) tăng tương ứng 15%/năm và 20%/năm;

- Tỷ lệ sản phẩm chế biến sâu (làm sẵn, ăn liền) tăng 15%/năm;

- Tỷ lệ mẫu thực phẩm nông lâm thủy sản được giám sát vi phạm các quy định an toàn thực phẩm giảm 10%/năm;

- Tỷ lệ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản tương đương tiêu chuẩn quốc tế đạt 100%;

- Duy trì 100% cán bộ quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản các cấp được bồi dưỡng, cập nhật hàng năm về chuyên môn nghiệp vụ.

**II. NHIỆM VỤ**

**1. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, quy mô lớn; nâng cấp hệ thống chợ đầu mối/trung tâm cung ứng, chợ bán lẻ nông lâm thủy sản, hoàn thiện chuỗi giá trị nông lâm thủy sản**

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng đủ điều kiện sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đảm bảo chất lượng, an toàn, gia tăng giá trị;

- Xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn áp dụng tiêu chuẩn sản xuất bền vững (như VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn..); số hóa vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở sơ chế, chế biến, bán buôn, bán lẻ nông lâm thủy sản;

- Xây dựng và phát triển mô hình chợ đầu mối/trung tâm cung ứng gắn kết với vùng nguyên liệu, hợp tác xã và liên kết với siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, chợ dân sinh cấp phường, xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

**2. Triển khai hiệu quả hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật và thông tin, truyền thông về chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản**

- Triển khai đồng bộ các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng, an toàn thực phẩm của Việt Nam và thị trường nhập khẩu cho tất cả các đối tượng tham gia chuỗi sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản;

- Tổ chức giám sát, đánh giá và truyền thông nguy cơ an toàn thực phẩm theo chuẩn mực quốc tế phục vụ quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm cho người dân và doanh nghiệp;

- Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thống kê báo cáo chất lượng an toàn thực phẩm trong toàn ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình tiêu biểu trong sản xuất, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản chất lượng, an toàn; công khai tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật bị xử lý theo quy định.

 **3.** **Nghiên cứu, chuyển giao, tập huấn ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số đảm bảo năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc**

- Hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, tập huấn ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt ưu tiên các tiến bộ kỹ thuật liên quan đến nâng cao chất lượng giống, áp dụng các công nghệ sản xuất “xanh, sạch” theo hướng nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản;

- Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho người dân và doanh nghiệp nâng cấp điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm; thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn…); thiết lập, vận hành hệ thống tự kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm tại cơ sở cùng với sự tham gia giám sát của cộng đồng.

**4.** **Phát triển thị trường nông lâm thủy sản chất lượng, an toàn**

- Phổ biến thông tin thị trường, quy định về chất lượng an toàn thực phẩm các thị trường trong và ngoài nước để người sản xuất, người tiêu dùng nắm rõ, hiểu đúng, làm đúng;

- Tăng cường đàm phán, ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về chất lượng, an toàn thực phẩm nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản chất lượng, an toàn. Thiết lập và vận hành cơ chế tham gia hiệu quả các hoạt động của các tổ chức quốc tế: Codex, Ủy ban SPS của WTO;

- Hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, tổ chức truyền thông quảng bá, kết nối và xúc tiến thương mại sản phẩm trong và ngoài nước.

**5.** **Tăng cường năng lực thực thi chính sách pháp luật, đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản**

- Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng, an toàn thực phẩm theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế và phù hợp với thực tiễn;

- Kiện toàn tổ chức và đảm bảo nguồn lực cho bộ máy từ trung ương đến cấp xã; đào tạo, bồi dưỡng cập nhật thường xuyên pháp luật, kiến thức, kỹ năng thực thi pháp luật cho cán bộ thực thi pháp luật; chuẩn hóa các hoạt động quản lý Nhà nước: giám sát, thẩm định, chứng nhận, thanh tra, điều tra, xử lý vi phạm…;

- Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại cho các phòng kiểm nghiệm, phòng kiểm nghiệm kiểm chứng của Ngành về chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản;

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi sốtrong thực thi công vụ;

- Tổ chức các chương trình giám sát, đánh giá nguy cơ và áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro về an toàn thực phẩm. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm vi phạm pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản;

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận, giám định phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

**III. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP**

**1. Hoàn thiện cơ chế chính sách; lồng ghép nhiệm vụ đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng đủ điều kiện sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản chất lượng, an toàn vào các kế hoạch, đề án, chương trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới 2021-2025**

- Rà soát hoàn thiện cơ chế chính sách đầu tư, tín dụng, huy động các nguồn đầu tư công, ODA, đối tác công tư (PPP)… trong nâng cấp cơ sở hạ tầng (hệ thống thủy lợi, điện lưới, đường giao thông, kho bãi…); các vùng trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cảng cá; khu giết mổ, sơ chế, chế biến tập trung, chợ đầu mối/đấu giá…đủ điều kiện sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản theo quy định của Việt Nam và chuẩn mực quốc tế về chất lượng, an toàn thực phẩm;

- Ưu tiên ngân sách đầu tư nâng cấp điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm vùng trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trông thủy sản, cảng cá, khu giết mổ, sơ chế, chợ đầu mối/đấu giá, chợ dân sinh tại một số vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm hoặc đô thị tiêu thụ khối lượng lớn nông lâm thủy sản;

- Hoàn thiện quy định và tổ chức cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản trên diện rộng đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc.

**2.** **Phối hợp, huy động các nguồn lực nhà nước và xã hội trong đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản**

- Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong Bộ, giữa các Bộ ngành, giữa cơ quan trung ương và địa phương trong đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm; kiện toàn tổ chức bộ máy và nguồn lực theo phân công, phân cấp theo hướng đủ tổ chức, nguồn lực triển khai nhiệm vụ được phân công phân cấp;

- Phối hợp chặt chẽ, nâng cao vai trò của tổ chức kinh tế hợp tác, các tổ chức chính trị-xã hội, hiệp hội ngành hàng trong xây dựng, hoàn thiện, tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về chất lượng an toàn thực phẩm; truyền thông quảng bá sản phẩm đối với thị trường trong nước và quốc tế;

- Nâng cấp và triển khai Chương trình phối hợp với Mặt trận tổ quốc, Hội Nông dân, Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam….trongphổ biến, giáo dục, vận động và giám sát sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản chất lượng an toàn;

- Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội, các hiệp hội ngành hàng trong đào tạo, tập huấn cho hộ nông dân, tổ chức kinh tế hợp tác trong tự kiểm soát và giám sát cộng đồng về chất lượng, an toàn thực phẩm; về xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, truyền thông quảng bá sản phẩm chất lượng, an toàn;

- Rà soát, sửa đổi chính sách pháp luật tạo điều kiện tối đa cho các tổ chức, doanh nghiệp đăng ký tham gia các dịch vụ kiểm nghiệm, tư vấn, giám định, chứng nhận cho người dân và doanh nghiệp cũng như được chỉ định cung ứng dịch vụ phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

**3. Đổi mới công tác đào tạo, tập huấn, chuyển giao khoa học công nghệ, khoa học quản lý đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản**

- Xây dựng trình ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản;

- Hợp tác với các Viện, Trường, các tổ chức quốc tế chuyên ngành, các dự án quốc tế trong nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm (chương trình đại học, sau đại học);

- Phối hợp với các Viện, Trường,Trung tâm khuyến nông quốc gia và các tổ chức nghiên cứu khoa học khác cập nhật, tập huấn chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ (như sử dụng giống chất lượng cao; phân, thức ăn chăn nuôi, chất xử lý môi trường, thuốc BVTV nguồn gốc hữu cơ…) cũng như tiến bộ khoa học quản lý (như áp dụng hệ thống tự kiểm soát, giám sát cộng đồng, truy xuất nguồn gốc theo tiêu chuẩn tiên tiến GAP, ISO, HACCP…) trong sản xuất nông lâm thủy sản chất lượng, an toàn.

**4. Tăng cường thông tin, truyền thông kịp thời, chính xác về chất lượng, an toàn thực phẩm, tạo niềm tin cho người tiêu dùng và nâng cao uy tín nông sản Việt;**

- Hoàn thiện và tổ chức vận hành quy trình đánh giá và truyền thông nguy cơ an toàn thực phẩm theo chuẩn mực quốc tế;

- Kịp thời cập nhật, phổ biến thông tin thị trường; quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm của thị trường tiêu thụ nông lâm thủy sản trong và ngoài nước;

- Phối hợp với cơ quan truyền thông trong và ngoài nước tổ chức các chương trình, chiến dịch thông tin, truyền thông quảng bá, kết nối cung cầu nông sản Việt chất lượng, an toàn;

- Tổ chức xác minh, xử lý, phản hồi kịp thời các thông tin sai lệch về chất lượng, an toàn thực phẩm trong nước cũng như quốc tế.

**5. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc**

- Ưu tiên đầu tư mua sắm trang thiết bị; chuyển giao phương pháp kiểm nghiệm, kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm tiên tiến, hiện đại theo chuẩn mực quốc tế. Phấn đấu 1 số phòng kiểm nghiệm được công nhận là phòng kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm của quốc gia và khu vực;

- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực thi 100% các thủ tục hành chính được thực hiện trên môi trường mạng; hệ thống thống kê, thông tin báo cáo trực tuyến; cấp chứng nhận, chứng thư điện tử kết nối với các đối tác thương mại…;

- Xây dựng vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về chất lượng, an toàn thực phẩm và hệ thống truy xuất nguồn gốc kết nối, liên thông với Cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và PTNT và Cổng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

**6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuẩn hóa các qui trình chuyên môn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn, qui chuẩn và thông lệ quốc tế**

- Rà soát, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản theo chương trình chung của Chính phủ;

- Kiện toàn tổ chức bộ máy từ trung ương đến cấp xã theo hướng tinh gọn, hiệu quả; ưu tiên đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm cho từng vị trí công việc; nghiên cứu đề xuất cơ chế tài chính đặc thù phù hợp với hệ thống cơ quan quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong toàn quốc;

- Chuẩn hóa các qui trình chuyên môn nghiệp vụ theo chuẩn mực quốc tế (tiêu chuẩn ISO, các hướng dẫn của CODEX..).

**7. Tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút nguồn lực và kinh nghiệm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản**

- Tăng cường hợp tác với: Cơ quan thẩm quyền các nước để đàm phán ký kết và thực hiện các thỏa thuận hợp tác công nhận lẫn nhau về chất lượng an toàn thực phẩm; với các đối tác quốc tế có uy tín để chuyển giao khoa học, công nghệ tiên tiến từ nước ngoài áp dụng tại Việt Nam;

- Sử dụng có hiệu quả tài trợ, các dự án hỗ trợ kỹ thuật của nước ngoài, của tổ chức quốc tế trong việc đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản theo quy định;

- Tham gia có hiệu quả các hoạt động với các tổ chức quốc tế: Codex, Ủy ban SPS của WTO để xử lý các vướng mắc của thị trường, gia tăng tiêu dùng, xuất khẩu;

- Vận động tài trợ, xây dựng và triển khai các dự án hỗ trợ kỹ thuật của nước ngoài, của tổ chức quốc tế trong việc nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản theo quy định.

**IV. CÁC DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH ƯU TIÊN THỰC HIỆN**

**1. Dự án xây dựng vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu chất lượng, an toàn thực phẩm và hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản;**

*a) Mục tiêu:* Thống kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về số lượng và các chỉ số liên quan đến cơ sở sản xuất và sản phẩm nông lâm thủy sản trên thị trường phục vụ công tác quản lý, đồng thời, phục vụ người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin đầy đủ, minh bạch.

*b) Các hoạt động:*

i. Thống kê, điều tra về tình hình cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản, sản phẩm nông lâm thủy sản

ii. Tổng hợp thông tin, báo cáo về hệ thống cơ sở sản xuất kinh doanh, sản phẩm NLTS

iii. Xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý

iv. Đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm khai thác dữ liệu cho cán bộ quản lý, người dân, doanh nghiệp

 v. Duy trì cơ sở dữ liệu, phần mềm, cập nhật thông tin định kỳ

 *c. Đơn vị thực hiện*

- Các Tổng cục, Cục thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT

 - Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/thành phố trực thuộc TW

 - Các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản

 *d. Kinh phí thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*

**2. Dự án đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật kiểm nghiệm, kiểm tra, giám định phục vụ nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm**

*a) Mục tiêu:* Tăng cường năng lực cho hệ thống các tổ chức đánh giá sự phù hợp, bao gồm các phòng kiểm nghiệm thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ quản lý nhà nước; trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị phục vụ cho việc kiểm tra, thẩm định của cơ quan có thẩm quyền.

*b) Các hoạt động:*

i. Thống kê năng lực của hệ thống các phòng kiểm nghiệm, phục vụ quản lý Nhà nước và người dân, doanh nghiệp

ii. Tổng hợp thông tin, báo cáo đề xuất nhu cầu nâng cấp cơ sở kiểm nghiệm, giám định; trang thiết bị phục vụ hoạt động kiểm tra, giám định

iii. Đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở kiểm nghiệm

iv. Đầu tư nâng cấp trang thiết bị phục vụ kiểm tra, giám định

v. Đào tạo, hướng dẫn sử dụng trang thiết bị; xây dựng dựng phương pháp kiêm nghiệm

*c. Đơn vị thực hiện*

 - Các Tổng cục, Cục thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT

 - Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/thành phố trực thuộc TW

 - Các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản

 - Các tổ chức đánh giá sự phù hợp.

*d. Kinh phí thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*

**3. Chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực quản lý, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản**

*a) Mục tiêu:* Tăng cường năng lực nguồn nhân lực cho cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản và cán bộ cơ quan quản lý về các kiến thức, kỹ năng cần thiết trong đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

*b) Các hoạt động*

i. Tập huấn, hướng dẫn cho người sản xuất, doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất và cung ứng thực phẩm về sản xuất TP đa dạng, an toàn

ii. Tập huấn, hỗ trợ doanh nghiệp theo từng chuỗi sản xuất áp dụng các chương trình quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm tiên tiến (GAP, HACCP, ISO 22000)

iii. Đào tạo cho cán bộ quản lý của cơ quan Nhà nước về các nghiệp vụ (thẩm định, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính, quản lý hoạt động khoa học công nghệ, đánh giá sự phù hợp…) trong quá trình quản lý

iv. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho kiểm nghiệm viên, chuyên giá đánh giá của các tổ chức chứng nhận, giám định, kiểm định

*c) Đơn vị thực hiện*

- Các Tổng cục, Cục thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT

 - Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/thành phố trực thuộc TW

 - Các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản

*d. Kinh phí thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*

**4. Chương trình nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo nâng cao chất lượng, an toàn, giá trị nông lâm thủy sản**

*a) Mục tiêu:* Ứng dụng kịp thời, hiệu quả các thành tựu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

*b) Các hoạt động:*

i. Nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong tạo giống, sản xuất, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản, đảm bảo nền nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm;

ii. Ứng dụng khoa học công nghệ trong việc giảm thất thoát sau thu hoạch đối với các sản phẩm chủ lực và hạn chế lãng phí thực phẩm

*c. Đơn vị thực hiện*

 - Các Tổng cục, Cục thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT

 - Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/thành phố trực thuộc TW

 - Các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản

 - Các đơn vị, doanh nghiệp nghiên cứu khoa học.

*d. Kinh phí thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*

 **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Các Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT**

a) Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ, các Bộ ngành liên quan và các Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Xây dựng, trình ban hành và tổ chức thực hiện Dự án xây dựng vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu chất lượng, an toàn thực phẩm và hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản; Dự án đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật kiểm nghiệm, kiểm tra, giám định phục vụ nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm;

- Xây dựng, trình ban hành và tổ chức thực hiện các Chương trình phối hợp với các Bộ ngành, tổ chức chính trị xã hội, các hiệp hội ngành hàng… trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản;

- Rà soát, sửa đổi, cập nhật hệ thống chính sách pháp luật theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế và phù hợp với thực tiễn ngành nông nghiệp nước ta;

- Tổ chức phổ biến, cập nhật kịp thời qui định pháp luật, tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật, thông tin thị trường về chất lượng, an toàn thực phẩm tại Việt nam và nước xuất khẩu;

- Hỗ trợ thí điểm và nhân rộng nâng cấp các chuỗi liên kết cung ứng nông lâm thủy sản an toàn thành các chuỗi giá trị ngành hàng chất lượng, an toàn, bền vững;

b) Tổng cục thủy sản, các Cục Trồng trọt, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Thú y, Kinh tế hợp tác và PTNT, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản trong phạm vi được phân công quản lý:

- Lồng ghép hạng mục nâng cấp điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm vào các chương trình, dự án đầu tư vùng sản xuất nguyên liệu nông lâm thủy sản;

- Hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật cho người dân và doanh nghiệp nâng cấp vườn trồng, ao nuôi, tàu cá, cơ sở thu gom, bảo quản, chế biến, chợ đầu mối, đấu giá, cơ sở chuyên doanh nông lâm thủy sản theo qui định đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm;

- Chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong cơ giới hóa, tự động hóa sản xuất; công nghệ bảo quản, chế biến sâu; công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, kinh doanh NLTS chất lượng, an toàn; Tập huấn ứng dụng chuẩn mực quốc tế tiên tiến về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm như GAP, HACCP, ISO 22000…trong sản xuất kinh doanh NLTS;

- Chuẩn hóa các qui trình thực thi công vụ, triển khai chuyên môn nghiệp vụ theo chuẩn mực quốc tế (tiêu chuẩn ISO, các hướng dẫn của CODEX..);

- Ưu tiên nâng cấp cơ sở, trang thiết bị làm việc, kiểm nghiệm, kiểm tra, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm;

- Đào tạo, bồi dưỡng cập nhật cho cán bộ quản lý, nhân viên kỹ thuật chuyên môn nghiệp vụ quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm;

c) Cục chế biến và Phát triển thị trường nông lâm thủy sản:

- Ưu tiên lồng ghép hạng mục nâng cấp điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm vào các cơ chế chính sách, chiến lược, chương trình, dự án đầu tư phát triển chế biến và thị trường nông lâm thủy sản;

- Chủ trì, phối hợp với các Tổng cục, cục chuyên ngành tập huấn, chuyển giao khoa học công nghệ bảo quản, chế biến tiên tiến đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản;

d) Văn phòng Nông thôn mới:

- Ưu tiên phân bổ kinh phí xây dựng nông thôn mới cho đầu tư các hạng mục xây dựng, nâng cấp Trung tâm cung ứng, chợ đầu mối, đấu giá, chợ bán lẻ nông lâm thủy sản đủ điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm

- Phối hợp với các Tổng cục, cục chuyên ngành trong đào tạo, tập huấn người dân và doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới về vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm; phát triển sản phẩm OCOP.

đ) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

- Xây dựng và triển khai Chương trình nghiên cứu chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nâng cao chất lượng, an toàn, giá trị nông lâm thủy sản;

- Rà soát, sửa đổi, cập nhật hệ thống tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế và phù hợp với thực tiễn ngành nông nghiệp nước ta;

e) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

- Rà soát, hoàn thiện phân công, phân cấp và kiện toàn tổ chức bộ máy từ trung ương đến cấp xã theo phân công, phân cấp rõ ràng, hợp lý;

- Xây dựng, trình ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm;

g) Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính:

- Ưu tiên bố trí ngân sách cho các dự án đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm; cho các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin truyền thông, giám sát, thanh tra, kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm;

 - Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình ban hành cơ chế tài chính đặc thù phù hợp với lĩnh vực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm

h) Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường hợp tác thu hút nguồn lực quốc tế đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản; đàm phán mở cửa thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản;

i) Vụ Pháp chế phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, sửa đổi, cập nhật hệ thống pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế và phù hợp với thực tiễn ngành nông nghiệp nước ta;

k) Thanh tra Bộ chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát các qui định, hướng dẫn và tổ chức công tác thanh tra chất lượng, an toàn thực phẩm theo qui định của pháp luật;

l) Trung tâm khuyến nông quốc gia, các Viện, Trường phối hợp với các đơn vị liên quan:

- Hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật cho người dân và doanh nghiệp nâng cấp vườn trồng, ao nuôi, tàu cá, cơ sở thu gom, bảo quản, chế biến, chợ đầu mối, đấu giá, cơ sở chuyên doanh nông lâm thủy sản theo qui định đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm;

- Chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong cơ giới hóa, tự động hóa sản xuất; công nghệ bảo quản, chế biến sâu; công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, kinh doanh NLTS chất lượng, an toàn;

- Tập huấn ứng dụng chuẩn mực quốc tế tiên tiến về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm như GAP, HACCP, ISO 22000…trong sản xuất kinh doanh NLTS.

**2. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan xây dựng Đề án hoặc Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án này phù hợp với tình hình của địa phương; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh triển khai đồng bộ, có hiệu quả Đề án tại địa phương.

**3. Các Hội, Hiệp hội ngành hàng**

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, các Bộ ngành liên quan, các địa phương trong triển khai thực hiện Đề án này;

- Chủ động phổ biến, vận động người dân, doanh nghiệp tuân thủ các qui định của Việt nam và quốc tế về chất lượng, an toàn thực phẩm; tổ chức thông tin thị trường, đào tạo, tập huấn cho người dân và doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm tiến tiến.

**4. Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản**

Thực hiện nghiêm túc các quy định của Việt Nam, thị trường nhập khẩu, hướng dẫn của cơ quan quản lý về đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản; chủ động nâng cấp cơ sở vật chất, đào tạo, tập huấn nguồn nhân lực và ứng dụng ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm tiến tiến trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản.

**5. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp**

Rà soát, mở rộng và nâng cấp năng lực đánh giá sự phù hợp theo chuẩn quốc tế phục vụ nhu cầu quản lý của Nhà nước và yêu cầu người dân, doanh nghiệp trong đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản.

**PHỤ LỤC**

**Khái toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dự án, chương trình và các hoạt động kèm theo** | **Tổng kinh phí (tỷ đồng)** | **Phân kỳ** |
| **Ngân sách Nhà nước** | **Nguồn xã hội hóa** | **2022-2025** | **2026-2030** |
| **Trung ương** | **Địa phương** |
| **1. Dự án xây dựng vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu chất lượng, an toàn thực phẩm và hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản** | **100** | **200** | **100** | **300** | **100** |
| i. Thống kê, điều tra về tình hình cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản, sản phẩm nông lâm thủy sản  |  |  |  |  |  |
| ii. Tổng hợp thông tin, báo cáo về hệ thống cơ sở sản xuất kinh doanh, sản phẩm NLTS |
| iii. Xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý  |
| iv. Đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm khai thác dữ liệu cho cán bộ quản lý, người dân, doanh nghiệp  |
| v. Duy trì cơ sở dữ liệu, cập nhật thông tin định kỳ |
| **2. Dự án đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật kiểm nghiệm, kiểm tra, giám định phục vụ nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm** | **500** | **1000** |  | **900** | **600** |
| i. Thống kê năng lực của hệ thống các phòng kiểm nghiệm, phục vụ quản lý Nhà nước và người dân, doanh nghiệp |  |  |  |  |  |
| ii. Tổng hợp thông tin, báo cáo đề xuất nhu cầu nâng cấp cơ sở kiểm nghiệm, giám định; trang thiết bị phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám định |
| iii. Đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở kiểm nghiệm |
| iv. Đầu tư nâng cấp trang thiết bị  |
| v. Đào tạo, hướng dẫn sử dụng trang thiết bị; xây dựng dựng phương pháp kiêm nghiệm |
| **3. Chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực quản lý, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản** | **50** | **150** | **300** | **300** | **200** |
| i. Đào tạo, hướng dẫn cho người sản xuất, doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất và cung ứng thực phẩm về sản xuất TP đa dạng, an toàn |  |  |  |  |  |
| ii. Đào tạo, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các chương trình quản lý chất lượng, ATTP tiên tiến (GAP, HACCP, ISO 22000) |
| iii. Đào tạo cho cán bộ quản lý của cơ quan Nhà nước về các nghiệp vụ (thẩm định, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính, quản lý hoạt động KHCN, đánh giá sự phù hợp…) trong quá trình quản lý |
| iv. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho kiểm nghiệm viên, chuyên giá đánh giá của các tổ chức chứng nhận, giám định, kiểm định |
| **4. Chương trình nghiên cứu, chuyển giao KHCN, đổi mới sáng tạo nâng cao chất lượng, an toàn, giá trị nông lâm thủy sản** | **500** | **1000** | **500** | **1200** | **800** |
| i. Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cải thiện hiệu quả trong tạo giống, sản xuất, bảo quản, chế biến, nâng cao giá trị sản phẩm |  |  |  |  |  |
| ii. Ứng dụng khoa học công nghệ trong việc giảm thất thoát sau thu hoạch đối với các sản phẩm chủ lực và hạn chế lãng phí thực phẩm |

1. Báo cáo ngành hàng bán lẻ Việt Nam 2021 (Vietnam Retail Store Statisic 2021) do Q&Me thực hiện [↑](#footnote-ref-2)
2. <https://vnetwork.vn/news/cac-so-lieu-thong-ke-internet-viet-nam-2019> [↑](#footnote-ref-3)
3. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020, phương hướng nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch năm 2021 của Tổng cục Thủy sản [↑](#footnote-ref-4)
4. <http://noip.gov.vn/chi-dan-dia-ly> truy cập ngày 19/5/2021 [↑](#footnote-ref-5)
5. https://www.fda.gov/food/registration-food-facilities-and-other-submissions/food-facility-registration-statistics #foreign truy cập ngày 18/5/2021. [↑](#footnote-ref-6)
6. Theo thống kê của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản đến tháng 12/2020. [↑](#footnote-ref-7)
7. <http://noip.gov.vn/chi-dan-dia-ly> truy cập ngày 19/5/2021 [↑](#footnote-ref-8)